

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 152/QĐ-CDPTTHII ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

Tên ngành, nghề: Quay phim

Mã ngành, nghề: 6210232

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: - Tốt nghiệp Trung học phổ thông

- Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp có giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian đào tạo: 2,5 năm (30 tháng)

### 1. Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người học trở thành cử nhân thực hành ngành Quay phim, có trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu hoạt động trong lĩnh vực quay phim nói chung và phóng viên quay phim nói riêng.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Về kiến thức

Phân tích được các kiến thức cơ sở cần thiết và cốt lõi nhằm tạo nền tảng cơ bản và toàn diện về các loại hình nghệ thuật và truyền hình như: Cơ sở lý luận báo chí, ngôn ngữ điện ảnh - truyền hình, kỹ thuật ánh sáng, lịch sử điện ảnh và truyền hình, thiết kế mỹ thuật truyền hình, nhiếp ảnh...;

Giải thích được quy trình sản xuất các chương trình truyền hình, các sản phẩm dịch vụ;

Trình bày được các kiến thức về nghiệp vụ đạo diễn;

Phân tích được các kiến thức cơ bản về dựng hình;

Nêu được các kiến thức cơ bản và nâng cao về dựng phim;

Trình bày được các kiến thức cơ bản về âm thanh, ánh sáng trong quay phim, chụp ảnh;

Trình bày được các kiến thức một cách hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về ngôn ngữ tạo hình quay phim để ứng dụng trong các thể loại như: Quay tin tức, quay phóng sự, quay phim tọa đàm - phỏng vấn, quay phim quảng cáo, quay phim ca nhạc, quay phim dịch vụ...;

Trình bày được các quy định về công tác an toàn lao động, vệ sinh công

nghiệp và phòng chống cháy nổ đảm bảo an toàn cho người và thiết bị;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### 1.2.2. Về kỹ năng

Khai thác, sử dụng, vận hành, bảo quản máy quay, máy ảnh, ống kính, đèn chiếu và các thiết bị hỗ trợ quay phim thành thạo theo yêu cầu;

Thực hiện được thành thạo các thao tác chọn góc máy, động tác máy, ghi hình các cỡ cảnh, các thủ pháp kết hợp động tác máy trong ghi hình tạo hiệu quả hình ảnh theo yêu cầu;

Thực hiện được kỹ thuật Quay tin tức - phóng sự, tọa đàm - phỏng vấn, gameshow, sự kiện, ca nhạc (MV), phim quảng cáo, phim dịch vụ, chụp ảnh các dịch vụ thành thạo theo yêu cầu;

Phối hợp, tham gia vào quá trình ghi hình các chương trình truyền hình cần phối hợp nhiều máy quay;

Xử lý được các loại âm thanh, hình ảnh, ánh sáng để chủ động trong quá trình tác nghiệp tại hiện trường;

Tư duy, tìm kiếm, tổng hợp thông tin về các sự kiện trong xã hội, các thông tin liên quan đến ngành; phân tích và xử lý được thông tin để thực hiện các nhiệm vụ chuyên ngành;

Tổ chức, quản lý, phối hợp, tôn trọng và lắng nghe các thành viên khác trong ekip; Xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống nảy sinh trong quá trình tác nghiệp;

Tổ chức thực hiện công việc đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ cho người và thiết bị;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc quay phim;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn.

### 1.2.3. Về thái độ.

Có phẩm chất chính trị tốt. Có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, thái độ khách quan, khoa học, trung thực. Hiểu được vai trò, vị trí của ngành quay phim trong lĩnh vực phát thanh truyền hình và truyền thông.

Có tinh thần khách quan, trung thực và nhân văn trong quá trình tác nghiệp;

Khiêm tốn, giản dị, cần cù, có ý thức tổ chức kỷ luật, yêu ngành và yêu nghề.

Có đạo đức nghề nghiệp, đề cao vai trò trách nhiệm của người quay phim, có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm chỉnh quy trình về an toàn lao động; tôn trọng nội quy của cơ quan và doanh nghiệp;

Chịu trách nhiệm đối với những sản phẩm do mình sáng tạo ra; có hiểu biết và tôn trọng luật sở hữu trí tuệ;

Có ý thức cộng đồng, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp; có tác phong nhanh nhẹn, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập; Có tinh thần cầu thị, không ngừng học hỏi phấn đấu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có ý thức sáng tạo trong công việc được giao.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp và được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Quay phim, người học có thể đảm nhận công việc quay phim trong các cơ quan báo chí, các công ty truyền thông:

- Quay tin tức;
- Quay sự kiện;
- Quay phóng sự;
- Quay phỏng vấn - tọa đàm;
- Quay gameshow;
- Quay phim ca nhạc (MV);
- Quay phim quảng cáo;
- Quay dịch vụ.

### 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: **34** môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **90** Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung, đại cương: **435** giờ
- Khối lượng các môn học cơ sở, chuyên môn: **1.950** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **457** giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1.795** giờ
- Kiểm tra: **133** giờ
- Thời gian khóa học: **2,5** năm

**3. Nội dung chương trình:**

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/ thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung/ đại cương</b>	<b>21</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
1090042	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
1090022	Pháp luật	2	30	18	10	2
1090025	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
1080001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
1110090	Tin học	3	75	15	58	2
1090044	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
1090045	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>69</b>	<b>1950</b>	<b>300</b>	<b>1540</b>	<b>110</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở ngành, nghề</b>	<b>12</b>	<b>300</b>	<b>60</b>	<b>220</b>	<b>20</b>
1100077	Nghiệp vụ báo chí cơ bản	2	45	15	26	4
1100012	Pháp luật và đạo đức báo chí	2	45	15	26	4
1110091	Tin học thiết kế đồ họa	3	90	0	86	4
1100142	Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình	2	45	15	26	4
1110093	Nghệ thuật bố cục nhiếp ảnh	3	75	15	56	4
<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>57</b>	<b>1650</b>	<b>240</b>	<b>1320</b>	<b>90</b>
1110094	Kỹ thuật quay phim	3	75	15	56	4
1110075	Kỹ thuật dựng phim	2	45	15	26	4
1110095	Kỹ thuật xử lý âm thanh	3	75	15	56	4

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/ thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
1110074	Kỹ thuật ánh sáng	2	45	15	26	4
1100143	Kịch bản điện ảnh - truyền hình	3	75	15	56	4
1110080	Nghiệp vụ đạo diễn	2	45	15	26	4
1110097	Nghệ thuật quay phim	3	75	15	56	4
1110098	Quay phối hợp	2	60	0	56	4
1110099	Quay Phỏng vấn - Tọa đàm truyền hình	2	45	15	26	4
1110081	Quay tin và phóng sự	3	60	30	26	4
1110056	Quay ca nhạc	2	60	0	56	4
1110100	Kỹ thuật phim trường ảo	2	60	0	56	4
1110087	Quay truyền hình trực tiếp	2	45	15	26	4
1110101	Quay truyền hình thực tế	2	60	0	56	4
1110102	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh	2	45	15	26	4
1110085	Nghệ thuật dựng phim	3	75	15	56	4
1110103	Quay quảng cáo	2	45	15	26	4
1110104	Sản xuất phim ngắn	2	45	15	26	4
1110105	Kỹ xảo truyền hình	3	75	15	56	4
1110106	Kiến tập tại cơ sở	2	90	0	86	4
1110049	Thực tập tốt nghiệp tại trường	5	225	0	220	5
1110043	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5	225	0	220	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>90</b>	<b>2385</b>	<b>457</b>	<b>1795</b>	<b>133</b>



#### **4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

##### **4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện (06 môn chung):**

- Môn Ngoại ngữ: Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

- Môn Giáo dục chính trị: Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

- Môn Pháp luật: Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

- Môn Giáo dục thể chất: Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

- Môn Tin học: Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Tin học;

- Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

##### **4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:**

Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa sẽ được công bố trước mỗi năm học căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học.

##### **4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:**

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định trong thời khóa biểu học tập hàng năm và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học.

##### **4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:**

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành cho người học theo quy định của trường.

##### **4.5. Các chú ý khác:**

Mã số quản lý môn học được thống nhất trong chương trình đào tạo và trên phần mềm quản lý tín chỉ, cụ thể như sau:

- Phòng Quản lý Đào tạo: 108;

- Khoa Kinh tế truyền thông: 109;

- Khoa Báo chí - Truyền thông: 110;
- Khoa Công nghệ truyền thông: 111.
- Danh sách chuyển đổi môn học giữa các chương trình đào tạo:

STT	Môn học chương trình đào tạo năm 2020	Số TC	Môn thay thế	Số TC
1	Phim tài liệu và ký sự truyền hình	2	Sản xuất phim ngắn	2
			Quay truyền hình thực tế	2
2	Quay phỏng vấn	2	Quay phỏng vấn - tọa đàm truyền hình	2
3	Nhiếp ảnh	2	Nghệ thuật bố cục nhiếp ảnh	3
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh	2
5	Kỹ thuật quay phim	2	Kỹ thuật quay phim	3
6	Kịch bản truyền hình	2	Kịch bản điện ảnh - truyền hình	3
7	Kỹ thuật âm thanh	2	Kỹ thuật xử lý âm thanh	3
8	Quay clip quảng cáo	3	Quay quảng cáo	2
			Kỹ thuật phim trường ảo	2
9	Nghệ thuật quay phim	2	Nghệ thuật quay phim	3
10	Anh văn 3-CN	2	Tin học thiết kế đồ họa	3
11	Kỹ năng nghiệp vụ báo chí cơ bản	2	Nghiệp vụ báo chí cơ bản	2

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NGÀNH QUAY PHIM**  
(Theo Chương trình đào tạo ban hành theo  
Quyết định số 152/QĐ-CDPTTHII ngày 08/8/2023)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
<b>Học kỳ 1</b>			<b>21</b>		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1090044	Tiếng Anh 1	3 (2,1,5)		
2	1110090	Tin học	3 (1,2,3)		
3	1100077	Nghiệp vụ báo chí cơ bản	2 (1,1,3)		
4	1110093	Nghệ thuật bố cục nhiếp ảnh	3 (1,2,3)		
5	1100142	Ngôn ngữ điện ảnh và truyền hình	2 (1,1,3)	1110093 (b)	
6	1110094	Kỹ thuật quay phim	3 (1,2,3)	1100142 (a)	
7	1110095	Kỹ thuật xử lý âm thanh	3 (1,2,3)	1110074(b)	
8	1110074	Kỹ thuật ánh sáng	2 (1,1,3)	1110094 (a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			<b>0</b>		
<b>Học kỳ 2</b>			<b>20</b>		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1080001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4 (3,1,7)		2 tuần
2	1090045	Tiếng Anh 2	3 (2,1,5)		
3	1110091	Tin học thiết kế đồ họa	3 (0,3,2)	1110090 (a)	
4	1110075	Kỹ thuật dựng phim	2 (1,1,3)	1110090 (a) 1110091 (b)	
6	1110081	Quay tin và phóng sự	3 (2,1,5)	1100143 (a) 1110099 (b)	
7	1100143	Kịch bản điện ảnh – truyền hình	3 (1,2,3)	1110094 (a)	
8	1110106	Kiến tập tại cơ sở	2 (0,2,1)		4 tuần
<i>Môn học tự chọn</i>			<b>0</b>		



*Handwritten signature*



TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
<b>Học kỳ 3</b>			<b>16</b>		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1090042	Giáo dục chính trị	4 (3,1,7)		
2	1110099	Quay phỏng vấn – tọa đàm truyền hình	2 (1,1,3)	1100143 (a)	
3	1110098	Quay phối hợp	2 (0,2,1)	1110097 (a)	
4	1110102	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh	2 (1,1,3)	1110091 (a)	
5	1110097	Nghệ thuật quay phim	3 (1,2,3)	1110094 (a) 1110085 (b)	
6	1110085	Nghệ thuật dựng phim	3 (1,2,3)	1110102 (a)	
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
<b>Học kỳ 4</b>			<b>17</b>		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1110105	Kỹ xảo truyền hình	3 (1,2,3)		
2	1090025	Giáo dục thể chất	2 (0,2,1)		
3	1110056	Quay ca nhạc	2 (0,2,1)	1110097 (a)	
4	1110103	Quay quảng cáo	2 (1,1,3)	1110097 (a) 1110056 (b)	
5	1110100	Kỹ thuật phim trường ảo	2 (0,2,1)		
6	1110087	Quay truyền hình trực tiếp	2 (1,1,3)	1110098 (a) 1110100 (b)	
7	1110080	Nghiệp vụ Đạo diễn	2 (1,1,3)	1100143 (a)	
8	1090022	Pháp luật	2 (2,0,4)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
<b>Học kỳ 5</b>			<b>16</b>		
<i>Môn học bắt buộc</i>					
1	1100012	Pháp luật và đạo đức báo chí	2(1,1,3)		
2	1110101	Quay truyền hình thực tế	2 (0,2,1)	1110087 (a)	
3	1110104	Sản xuất phim ngắn	2 (1,1,3)	1110105 (a) 1110101 (b)	
4	1110049	Thực tập tốt nghiệp tại trường	5 (0,5,3)		4 tuần



*Handwritten signature or mark.*

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
5	1110043	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5 (0,5,3)		8 tuần
Môn học tự chọn			0		
<b>Tổng cộng</b>			<b>90</b>		

Tp Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

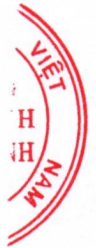
LÃNH ĐẠO KHOA

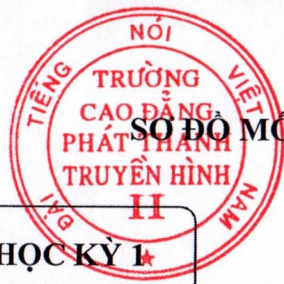
HIỆU TRƯỞNG

*[Handwritten signature]*  
 Lê Lê Hồng Vũ



TS. Kim Ngọc Anh

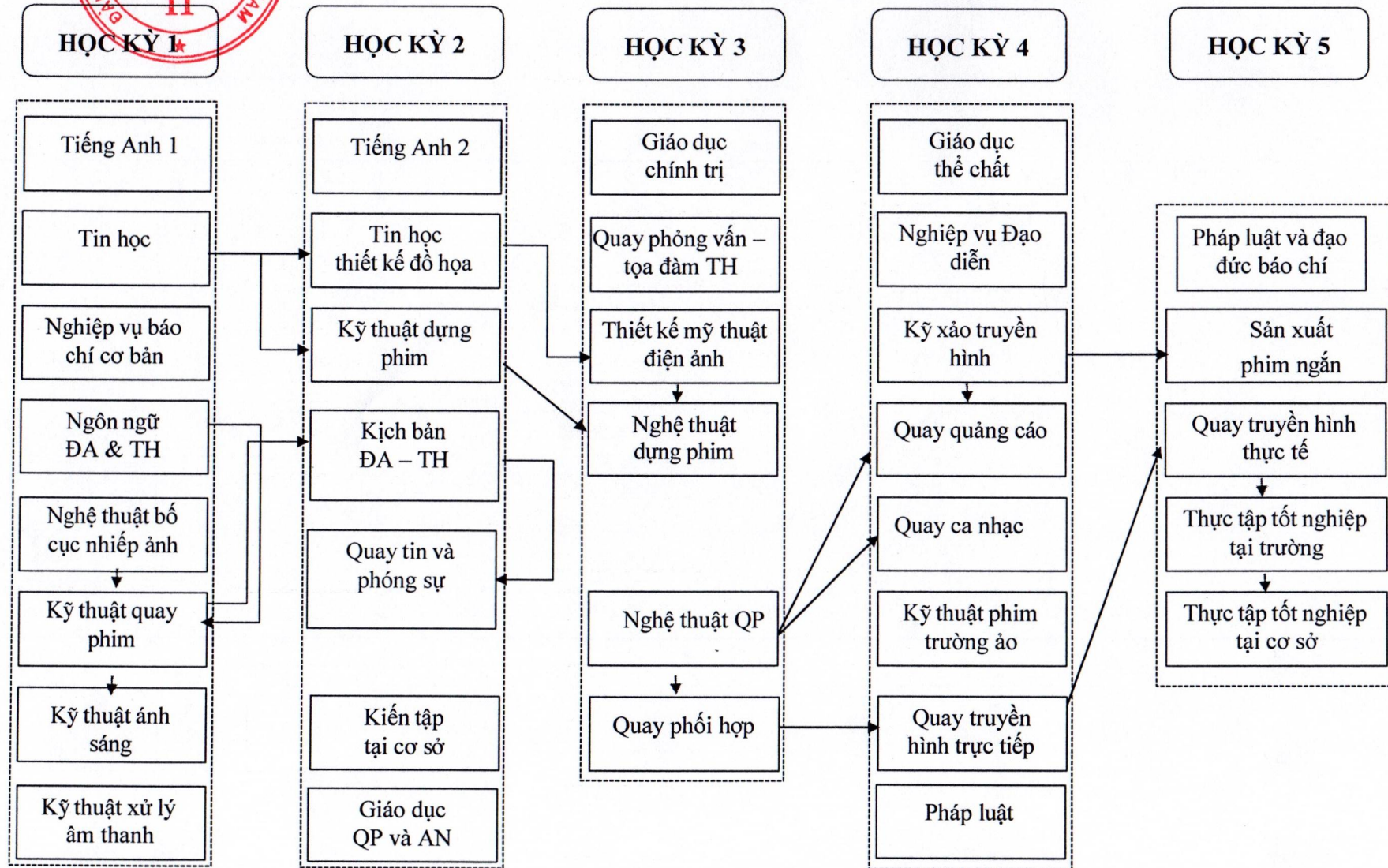




# SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Quay phim

Mã ngành, nghề: 6210232



*Handwritten signature:* Nguyễn Văn Lý